TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2025/DS-PT
Ngày: 13-11-2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2025/TLPT-DS ngày 06/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng) bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 489/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Nguyễn Hạnh U, sinh năm 1994; cư trú tại số C; đường P, thị trấn L, huyện L (nay là phường L - Đ), tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Chu Quang H, sinh năm 1981; cư trú tại số C, đường T, Phường C, thành phố Đ (nay là phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Huỳnh Khả T, sinh năm: 1994; cư trú tại số E, đường P, thị trấn L, huyện L (nay là phường L - Đ), tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1987; cư trú tại số A, đường T, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường L - Đ), tỉnh Lâm Đồng.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bà Võ Nguyễn Hạnh U – Nguyên đơn; Ông Chu Quang H – Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Võ Nguyễn Hạnh U trình bày:* Ngày 19/9/2022 bà và ông Chu Quang H có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng không có công chứng). Nội dung hợp đồng: Bà U và ông H góp tiền mua chung một xe ô tô biển số 49A - 200.48, hiệu TOYOTA, số loại: VIOS (xe vẫn còn đứng tên chủ cũ là bà Lê Hoàng Khánh D) số tiền mỗi bên góp là 250.000.000đ. Thời hạn hợp tác kể từ ngày 19/9/2022 đến tháng 02/2030. Hợp đồng ghi mỗi người chạy một ngày, luân phiên nhau. Trong một ngày làm ra lợi nhuận bao nhiêu thì người đó được hưởng bấy nhiêu. Khi xe có vấn đề về hư hỏng hoặc thanh toán tiền đài, tiền thuế cho công ty hàng tháng thì cả 2 bên cùng chia đôi chi phí.

Ông H là người trực tiếp ký hợp đồng với công ty T2, địa chỉ: tổ A thị trấn L, tỉnh Lâm Đồng (Hãng taxi L1).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H vi phạm về việc không giao xe cho bà cụ thể:

Lần 1: Từ ngày 05/8/2023 đến ngày 13/8/2023 là 4 ca Lần 2: Từ 20/9/2023 đến nay.

Theo hợp đồng hợp tác thì nếu ông H cản trở không cho bên góp vốn lấy xe thì hai bên thống nhất phải thanh toán cho bên thiệt hại số tiền 1.500.000đ/ngày.

Ngày 20/7/2023 ông T (chồng bà U là tài xế của bà) đi thay lốp xe hết khoảng 2.900.000đ đến 3.000.000đ. Ông T có thông báo cho ông T1 là tài xế của ông H để báo lại cho ông H nhưng ông H vẫn không thanh toán.

Ngày 25/7/2023 do ông H không thanh toán nên ông T tháo lốp xe và giao xe cho ông T1 nhưng ông T1 không nhận xe và bỏ về nên ông T mang xe về nhà và chỉ sử dụng theo ca làm.

Đến ngày 04/8/2023 ông H gọi cho ông T và yêu cầu giao xe và ông T đã giao xe cho ông H.

Đến ngày 05/8/2023 ông T gọi cho ông T1 để lấy xe kinh doanh thì ông T1 nói ông H đi sửa xe hết 40.000.000đ và yêu cầu ông T đưa 40.000.000đ thì mới giao lại xe.

Ngày 14/8/2023 ông T1 (tài xế của ông H) gọi cho ông T ra thương lượng để lấy xe vào ngày 15/8/2023.

Ngày 15/8/2023 khi ra lấy xe thì ông H ép buộc đưa 5.000.000đ trong hạn 01 tháng thì ông H mới đưa xe. Ông T cũng đồng ý và lấy xe về. Nhưng số tiền 5.000.000đ thì ông T không thanh toán cho ông H vì trong hợp đồng không có điều khoản này.

Ngày 18/9/2023 ông H gọi đòi 5.000.000đ thì bà hỏi số tiền giữ xe 4 ngày đâu thì ông H cúp máy.

Ngày 19/9/2023 ông T giao xe cho ông H.

Ngày 20/9/2023 ông H không giao xe lại cho ông T và sử dụng từ đó cho đến nay.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa bà và ông H. Vì cấm dứt hợp đồng nên yêu cầu ông H thanh toán cho bà % giá trị xe là 88.500.000đ và bồi thường 230 ca mà bà không được sử dụng xe (tạm tính đến ngày 19/12/2024) x 1.500.000đ = 337.500.000đ. Tổng cộng số tiền bà yêu cầu là 426.000.000đ.

- *Bị đơn ông Chu Quang H trình bày:* Việc ký hợp đồng như bà U trình bày là đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên thực hiện đến ngày 7/8/2023 do xe bị hư nên ông đưa xe xuống ga ra ở Đ để sửa. Việc thay lốp xe trước đó do ông T là tài xế của bà U báo cho anh T1 tài xế của ông nên ông không đồng ý. Sau đó hai bên hòa giải với nhau thống nhất 5 ca (5 ngày) mà bên ông T chồng cô U giữ xe của ông + cộng tiền sửa xe vào ngày 7/8/2023, bên ông T chồng cô U đưa cho ông 5.000.000đ, ông T hứa cuối tháng 8/2023 đưa cho ông. Vì ông T không đưa tiền cho ông nên ông không có tiền đóng tiền thuế, đài tháng 8 (tiền tháng và đài giao động) nên công ty khóa app.

Do bà U không chịu đưa tiền cho ông đóng thuế tháng 8/2023 nên từ tháng 9/2023 đến nay ông giữ xe và ông tự đóng thuế, nếu ông không đóng thuế thì công ty K. Trong thời gian này đến ca ông thì ông chạy, đến ca của bà U ông không chạy.

Đối với yêu cầu chấm dứt hợp đồng của nguyên đơn thì ông đồng ý. Ông đồng ý thanh toán 2 giá trị chiếc xe là 88.500.000đ. Đối với yêu cầu bồi thường của nguyên đơn thì ông không đồng ý vì không vi phạm.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Khả T trình bày:* Ông là chồng bà U, là người trực tiếp lái xe. Ông thống nhất với lời trình bày của bà U. Ngoài ra không bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T1 trình bày:* Ông là lái xe cho ông H, hai bên mâu thuẫn từ tháng 8/2023 sau đó thoả thuận là ông T (chồng bà U) đồng ý trả cho ông H 5.000.000đ (tiền bồi thường 5 ca của ông H mà bà U sử dụng trước đó và tiền sữa xe) hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng (hai bên giao xe đúng ca). Do ông T không thực hiện lời hứa trả tiền 5.000.000đ cho ông H, không chịu đưa tiền đóng nhà Đ nên khoảng ngày 03/10/2023 thì ông H đi đóng tiền đài và sau đó ông H không giao xe cho ông T. Sau ngày 03/10/2023 ông H sử dụng xe, do ế khách nên ông chạy cả 2 ca. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, thì ông H có gọi cho ông T để ra lấy xe. Tuy nhiên, ông T cho rằng xe lỗi khí thải nên không nhận xe.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng) đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Nguyễn Hạnh U với bị đơn ông Chu Quang H.

Huỷ hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 19/9/2022 giữa bà Võ Nguyễn Hạnh U và ông Chu Quang H.

Giao cho bà Võ Nguyễn Hạnh U được quyền sử dụng xe ô tô biển số 49A-200.48 hiệu TOYOTA, số loại: VIOS theo hợp đồng uỷ quyền ngày 03/7/2023 giữa ông Trần Bảo Q, bà Lê Hoàng Khánh D uỷ quyền cho bà Võ Nguyễn Hạnh U.

Buộc bà Võ Nguyễn Hạnh U thanh toán cho ông Chu Quang H số tiền 88.676.500đ. Buộc ông Chu Quang H bồi thường cho bà Võ Nguyễn Hạnh U số tiền 123.750.000đ. Sau khi cấn trừ nghĩa vụ thanh toán giữa bà U và ông H thì ông Chu Quang H có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Nguyễn Hạnh U số tiền 35.073.500đ (123.750.000đ – 88.676.500đ).

Buộc ông Chu Quang H có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Nguyễn Hạnh U 2.730.000đ tiền chi phí thẩm định giá.

Bác yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng hợp tác kinh doanh của bà Võ Nguyễn Hạnh U đối với số tiền 362.250.000đ (ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/7/2025, bà Võ Nguyễn Hạnh U kháng cáo một phần bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao toàn quyền sử

dụng, định đoạt xe ô tô mang biển kiểm soát 49A-20048 nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, số máy 2RNX276962, số khung 9F37J55034757 theo giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 032705 do Công an tỉnh L cấp ngày 27/3/2018; Yêu cầu ông Chu Quang H bồi thường thiệt hại số tiền 486.000.000đ.

Ngày 28/7/2025, ông Chu Quang H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 18/QĐ-VKS-DS ngày 21/7/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, kháng nghị toàn bộ bản án, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị; nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Võ Nguyễn Hạnh U, ông Chu Quang H; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; người kháng cáo, kháng nghị; thủ tục kháng cáo, kháng nghị được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 279 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Lâm Đồng và kháng cáo của bà Võ Nguyễn Hạnh U, ông Chu Quang H.

[2.1] Về tố tụng:

Xe ô tô TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 49A-200.48, đứng tên bà Lê Hoàng Khánh D theo Giấy đăng ký xe số 032705 ngày 27/3/2018. Ngày 19/4/2021, vợ chồng bà Lê Hoàng Khánh D, ông Trần Bảo Q và vợ chồng ông Chu Quang H, bà Nguyễn Thị H1 lập giấy mua bán xe, với giá 500.000.000đ. Hai bên thỏa thuận không làm thủ tục sang tên mà chỉ lập hợp đồng ủy quyền để bên mua được sử dụng xe. Giấy mua bán này không được công chứng, chứng thực. Căn cứ Điều 430, 459 Bộ luật Dân sự và Điều 12 Thông tư số 24/2023/TT-BCA ngày 01/7/2023 của Bộ C thì việc chuyển quyền sở hữu xe ô tô chỉ có hiệu lực khi được

lập bằng văn bản có công chứng, chứng thực và hoàn tất thủ tục sang tên đăng ký. Vì vậy, ông Chu Quang H chưa phải là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe. Tại phiên tòa hôm nay ông H trình bày hộ khẩu của ông ở Đắk Lắk (cũ) nên nếu sang tên cho ông thì xe không mang biển số 49 (Lâm Đồng), ông sẽ không được Công ty T2 đăng ký cho chạy dịch vụ.

Đến ngày 03/7/2023 bà D, ông Quốc L Hợp đồng ủy quyền số 1204 tại Văn phòng C1, ủy quyền cho ông H được quyền sử dụng chiếc xe biển số 49A-200.48. Cùng ngày, ông H tiếp tục ủy quyền lại cho bà Võ Nguyễn Hạnh U *"được quyền sử dụng xe"* ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA, biển số 49A-200.48 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032705 do Phòng C2 Công an tỉnh L cấp ngày 27/3/2018. Như vậy, theo nội dung hợp đồng uỷ quyền lại thì ông H chỉ uỷ quyền cho bà U được quyền sử dụng xe ô tô. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập Hợp đồng ủy quyền số 1204 để xác định rõ phạm vi và nội dung ủy quyền ban đầu từ bà D, ông Q cho ông H nên không làm rõ được quyền hạn thực tế của ông H cũng như tính hợp pháp của việc ủy quyền lại cho bà U.

Ngoài ra, theo giấy mua bán xe ngày 19/4/2021, chiếc xe được xác định là của vợ chồng bà D, ông Q bán cho vợ chồng ông H, bà H1 và xe ô tô vẫn đứng tên bà D nhưng Tòa án sơ thẩm không đưa bà H1, bà D, ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm về thủ tục tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư (tại biên bản hòa giải ngày 28/4/2025 - BL117), nhưng bản án sơ thẩm lại nhận định đồng ý hủy hợp đồng trên là không đúng ý chí của ông H.

[2.1] Về nội dung:

Bà U trình bày, ông H sử dụng 04 ca làm việc của bà từ ngày 05/8/2023 đến ngày 13/8/2023. Sau đó, bà tiếp tục sử dụng xe từ ngày 15/8/2023 đến ngày 18/9/2023. Kể từ ngày 19/9/2023 đến nay, ông H là người giữ và sử dụng xe. Ông H cho rằng do từ đầu tháng 8/2023 hai bên có mâu thuẫn về việc sửa chữa xe, sau khi dàn xếp thì bà U đồng ý sẽ đưa cho ông H số tiền 5.000.000 đồng, gồm tiền sửa xe và tiền bồi thường cho 05 ca mà bà đã sử dụng của ông nhưng bà U không đưa số tiền 5.000.000đ cho ông như cam kết nên ông không có tiền đóng phí đài tháng 8/2023. Do không đóng phí, công ty T2 khóa ứng dụng (app) điều hành xe và kể từ tháng 9/2023, ông H tiếp tục giữ xe, tự đóng thuế và chỉ sử dụng xe trong các ca của mình. Ngược lại, bà U khẳng định đã đóng đủ thuế đến hết tháng 8/2023 và giao xe cho ông H ngày 20/9/2023 trong tình trạng xe vẫn đang hoạt động bình thường, không hư hỏng.

Ông H cho rằng, đến cuối tháng 9/2023 xe bị Công ty taxi khóa app do không đóng tiền đài (BL số 18). Ông T1 (tài xế của ông H) khai rằng xe đã bị khóa app ngay từ khi ông T (tài xế của bà U) bàn giao xe. Đến ngày 03/10/2023 ông H mới đi đóng tiền để mở lại app nhưng không trả xe mà tiếp tục để ông T1 sử dụng. Như vậy, lời khai của các bên đương sự có nhiều mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm không xác minh nguyên nhân khóa app, không thu thập dữ liệu từ Công ty T2 về thời điểm và lý do khóa app và nghĩa vụ đóng thuế tháng 8/2023 thuộc về ai. Do đó, không làm rõ được bên nào có lỗi trong việc vi phạm nghĩa vụ giao xe, làm căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường.

Về tình trạng xe tại thời điểm giao trả ngày 05/3/2024: Ông H cho rằng ngày 05/3/2024 đã gọi điện yêu cầu bà U đến nhận lại xe nhưng bà không đến nên không có cơ sở để yêu cầu bồi thường tiếp. Tuy nhiên, bà U lại xác định khi đến nhận xe, bà phát hiện xe bị hư hỏng, cụ thể là báo lỗi động cơ, không có đèn chiếu sáng, bà có lưu hình ảnh và video chứng minh tình trạng xe, sẽ cung cấp nếu Tòa yêu cầu. Trong khi đó, ông H cho rằng xe không hư, chỉ báo đèn và thao tác tháo mát vài giây là sẽ hoạt động lại bình thường.

Như vậy, mặc dù lời khai của hai bên mâu thuẫn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh để kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe, không yêu cầu cung cấp hình ảnh, video, tài liệu kỹ thuật, không trưng cầu giám định, dẫn đến việc kết luận rằng bà U từ chối nhận xe là "do lỗi của nguyên đơn" là thiếu căn cứ.

Ngoài ra, trong thời gian ông H giữ và sử dụng xe từ tháng 9/2023 đến trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án không làm rõ ông H có sử dụng xe để kinh doanh, thu lợi hay không, không xác định thu nhập thực tế trong thời gian đó, cũng như không tính toán các khoản chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, đăng kiểm... để xác định nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng hợp tác giữa hai bên dẫn đến việc bỏ sót nghĩa vụ chứng minh và quyền yêu cầu của các bên.

[2.3] Về án phí: Bà U là người khởi kiện yêu cầu huỷ hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 19/9/2022 với ông H, yêu cầu này của bà U được chấp nhận nhưng lại buộc bà U phải chịu án phí không có giá ngạch (300.000 đồng) là không đúng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí không có giá ngạch mới đúng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của bị đơn. Do hủy bản án sơ thẩm nên chưa xem xét đến kháng cáo của nguyên đơn. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng giải, quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[3] Tiền tạm ứng chi phí tố tụng, tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đương sự đã nộp, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí:

Do hủy bản án sơ thẩm nên bà U, ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Nguyễn Hạnh U, bị đơn ông Chu Quang H.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng .

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng, thụ lý giải quyết lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

2. Tiền tạm ứng chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm đương sự đã nộp, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho bà Võ Nguyễn Hạnh U số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001082 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho ông Chu Quang H số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0002017 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng GĐ, KT, TT&THA (01);
- TAND khu vực 1 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 1 – Lâm Đồng (01);
- Đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt